

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-8-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chung và ông Vũ Văn Toán

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỳ Lương – Thư ký của Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Số A, Xóm C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2024, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị N** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Trần Văn D** kết hôn ngày 31-3-2010, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**. Trước khi kết hôn vợ chồng tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

hạnh phúc khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông **D** nghiện rượu, không quan tâm vợ con. Từ tháng 7 năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Bà yêu cầu ly hôn ông **Trần Văn D**, việc ly hôn bà đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Trần Quốc T**, sinh ngày 07-11-2010, **Trần Anh T1**, sinh ngày 25-3-2015, cháu **T** đang sống cùng với ba, cháu **T1** đang sống cùng với bà **N**, hiện nay bà **N** không mang thai. Khi ly hôn bà **N** yêu cầu giao con chung là **Trần Anh T1** cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là **Trần Quốc T** cho ông **Trần Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung, nợ riêng: đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngoài ra, bà **Trần Thị N** không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn ông **Trần Văn D** vắng mặt không rõ lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi và niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **Trần Văn D** đều vắng mặt, nên Tòa án không lấy lời khai của ông **Trần Văn D** được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà **Trần Thị N** và ông **Trần Văn D** ly hôn. Về con chung giao con chung **Trần Anh T1** cho bà **Trần Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung **Trần Quốc T** cho ông **Trần Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và tài sản không xem xét giải quyết. Buộc bà **Trần Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Trần Thị N** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Trần Văn D**. Ông **Trần Văn D** hiện đang cư trú tại **huyện D, tỉnh Lâm Đồng**. Tại phiên tòa bị đơn ông **Trần Văn D** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà **Trần Thị N** và ông **Trần Văn D** tự nguyện kết hôn ngày 31-3-2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà **Trần Thị N** và ông **Trần Văn D** là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà **Trần Thị N** yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Văn D** là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà **Trần Thị N** và ông **Trần Văn D** có hai con chung là **Trần Quốc T**, sinh ngày 07-11-2010, **Trần Anh T1**, sinh ngày 25-3-2015, cháu **T** đang sống cùng với ba, cháu **T1** đang sống cùng với bà **N**. Khi ly hôn yêu cầu giao con chung là **Trần Anh T1** cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là **Trần Quốc T** cho ông **Trần Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu **Trần Anh T1** có nguyện vọng được sống cùng mẹ, hiện cháu **Trần Anh T1** đang sống cùng với bà **Trần Thị N**; cháu **Trần Quốc T** có nguyện vọng sống cùng ba, hiện cháu **Trần Quốc T** đang sống cùng ông **Trần Văn D**. Bà **Trần Thị N** và ông **Trần Văn D** đều đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, cần ổn định cuộc sống của con chung nên giao con chung **Trần Anh T1** cho bà **Trần Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung **Trần Quốc T** cho ông **Trần Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản: Tài sản chung; Tài sản nợ chung; Tài sản nợ riêng bà **Trần Thị N** xác định đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không xem xét giải quyết về tài sản.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị N** và ông **Trần Văn D** ly hôn.
2. Về con chung: Giao con chung là **Trần Quốc T**, sinh ngày 07-11-2010 cho ông **Trần Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là **Trần Anh T1**, sinh ngày 25-3-2015 cho bà **Trần Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà **Trần Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005826 ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà **Trần Thị N** đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Bà **Trần Thị N** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông **Trần Văn D** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án này được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Tân Lâm, huyện Di Linh;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

